TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 548/2020/DS-PT
Ngày: 22-10-2020
V/v kiện đòi tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc "Kiện đòi tài sản (nhà ở)".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1664/2017/DS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3600/2020/QĐPT-DS ngày 23 tháng 9 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần VU (chết năm 2014).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần VU:

1. Bà Lâm TH

2. Bà Trần Thị Thu T

3. Bà Trần Thị T1

4. Ông Trần Anh T2

5. Ông Trần Quốc T3

Cùng địa chỉ cư trú: 87/57/42 ĐTH, Phường 3, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của các ông bà Trần Thị Thu T, Trần Thị T1, Trần Anh T2 và Trần Quốc T3: Bà Lâm TH (theo các văn bản uỷ quyền ngày 29/3/2014, ngày 15/4/2014, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Ngọc Thành, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Hà, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần VC; Địa chỉ cư trú: 87/57/40 ĐTH, Phường 3, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Trần VC: Ông Trần VP; Địa chỉ cư trú: 87/57/40 ĐTH, Phường 3, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản uỷ quyền ngày 06/6/2019, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc Phát, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Lâm Kim Hùng, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi; nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn Tr; Địa chỉ cư trú: 87/137 ĐTH, Phường 3, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. Ông Trần Văn D; Địa chỉ cư trú: 651 Ấp 1, xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn D: Bà Lâm TH (văn bản uỷ quyền ngày 19/5/2014, có mặt).

3. Bà Trần Thị B; Địa chỉ cư trú: 1891 South King Road San Jose, CA 95122, USA (có đơn xin vắng mặt).

4. Ông Trần Cao Đạt

5. Ông Trần VC

6. Ông Trần Văn Ph

7. Bà Trần Mộng Ngọc (có mặt)

8. Ông Trần QT

Cùng địa chỉ: 87/57/42 ĐTH, phường 3, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Trẻ Trần AM

10. Trẻ Trần Thị QH

Người giám hộ cho trẻ Trần AM và trẻ Trần Thị QH*:* Bà Trần MNg (có mặt).

11. Trẻ Trần Phúc TrH

Người giám hộ cho trẻ Trần Phúc TrH*:* Bà Trần Thị T1 (bà T1 ủy quyền cho bà Lâm TH, có mặt).

12. Trẻ Trần Thị PhN

Người giám hộ cho trẻ Trần Thị PhN*:* Ông Trần VP (có mặt).

13. Bà Nguyễn Thị KV

14. Ông Trần XL

Cùng địa chỉ cư trú: 87/57/40 ĐTH, Phường 3, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.50/16 ĐTP, Phường 9, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (cùng có đơn xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Bà Lâm TH là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2007 nguyên đơn ông Trần VU trình bày:

Cha ông Trần VU là Trần Văn Ư chết năm 1969, mẹ ông VU là Trần Thị H chết năm 1988. Ông Ư và bà H có những người con gồm: Trần Thị A chết năm 2001 (chồng bà A đã chết có một con là Trần Văn D), Trần VC, Trần Văn Tr, Trần Thị B, Trần VU.

Sinh thời, cha mẹ ông có tạo lập căn nhà số 87/57/42 ĐTH, Phường 3, Quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1982, bà H lập di chúc, cho ông VU căn nhà này. Lúc lập di chúc bà H rất minh mẫn, không có chính quyền xác nhận nhưng có người làm chứng gồm bà Trần Th Th chết năm 2001, Trần Văn Ph, ông Trần VĐ, ông Trần VC. Trần VC là người viết thay cho bà H vì bà H không biết chữ, ngoài bà Thao đã chết những người làm chứng khác đều còn sống. Đến năm 1994, Trần VC mới công bố di chúc cho ông VU. Năm 1988, bà H chết, năm 2000, ông VU đưa vợ con về căn nhà 87/57/42 ĐTH để ở, các con của Trần VC là Trần VP ở phía trước của căn nhà cũng trả cho ông VU năm 2000 nhưng phía sau căn nhà có diện tích 3,3 x 2,6 m ông Trần VC ở không trả. Sau đó năm 2002, bà Ng và ông QT là con của Trần VC vô ở đến nay.

Vì vậy, ông yêu cầu Trần VC phải trả lại cho cho ông phần sau căn nhà số 87/57/42 ĐTH có diện tích 3,3 x 2,6 m.

Trong quá trình khởi kiện thì năm 2014 ông VU chết, bà Lâm TH là vợ và các con là Trần Thị T1, Trần Thị Thu Th, Trần Anh T2, Trần Quốc T3 xin kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông VU để tiếp tục khởi kiện.

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông VU do bà TH đại diện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên của ông VU.

* Bị đơn là ông Trần VC có ông Trần VP là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn nhà 87/57/42 ĐTH có nguồn gốc là của Trần VC. Khoảng năm 1955, ông Ư và bà H có mua một miếng đất tại số 87/91 nay là 87/57/40 ĐTH cho

Trần VC và vợ con ở. Còn phần nhà và đất tại 87/57/42 ĐTH do Trần VC và vợ Nguyễn TT chết năm 2001 tự bồi đắp lên sử dụng thêm vì phần do cha mẹ cho ở quá chật chội.

Vào năm 1999 em Trần VC là ông VU, có tìm đến vùng đất kinh tế mới Đồng Nai để gặp Trần VC xin ở nhờ tại phần trái bên hông căn nhà số 87/91 ĐTH, gia đình Trần VC đồng ý cho ông VU ở nhờ từ đó cho đến nay.

Năm 1999, ông VP có kê khai nhà đất căn nhà nói trên. Toàn bộ căn nhà 87/91 gia đình Trần VC và các con đang ở có số mới là 87/57/40 ĐTH, còn gia đình ông VU đang ở số 87/57/42 ĐTH thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Trần VC. Ông VU cho rằng đây là di sản của bà H là không đúng, không có căn cứ nào chứng minh bà H là chủ sở hữu căn nhà, bà H không ở tại căn nhà số 87/91 này mà ở tại căn nhà số 87/137 ĐTH (nhà do ông Tr đang ở hiện tại). Do đó căn nhà số 87/137 ĐTH mới là nhà thuộc sở hữu của ông Ư và bà H.

Đúng là có tờ di chúc năm 1982 với nội dung bà H cho ông VU căn nhà 87/57/40 ĐTH. Tuy nhiên, di chúc này là do Trần VC tự viết vì ông VU lúc đó ở bên vợ làm ăn khó khăn, nhằm tạo điều kiện để ông VU về ở và vì sợ các con không đồng ý nên Trần VC mới lập tờ di chúc trên. Thời điểm lập di chúc sau khi bà H mất nhưng lại đề lùi ngày 18/4/1982. Ông VU chỉ ở nhờ, trong quá trình ở nhờ ông VU đã tự lập các giây tờ kê khai nhà 1999 và các giấy tờ khác để xác lập quyền sở hữu thuộc về ông VU là trái ý của Trần VC nên Trần VC không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông VU và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông VU.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông VP đại diện Trần VC có yêu cầu các thừa kế ông VU trả lại toàn bộ căn nhà và đất tại địa chỉ 87/57/42 ĐTH nhưng không làm đơn yêu cầu phản tố cũng như không đóng tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu này.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần MNg trình bày: Bà là con của Trần VC, bà không đồng ý trả phần nhà và đất như yêu cầu của nguyên đơn, vì đây là nhà của cha bà là Trần VC cho ở. Bà đã về đây từ năm 2001 đến nay. Căn nhà này là của cha bà có giấy tờ chế độ cũ chứng minh đã xuất trình cho tòa như, hợp đồng cung cấp nước, tờ khai gia đình, tờ kê khai nhà cửa năm 1977 và các lần kê khai 1999. Bà nội bà là H không phải là chủ sở hữu căn nhà, bà nội của bà ở với chú Tr, căn nhà ông Tr đang ở mới chính là tài sản của bà H. Do cha bà thấy ông VU khó khăn về chỗ ở nên mới cho vào ở nhờ nhưng sợ anh em bà phản đối nên mới ngụy tạo tờ di chúc sau khi bà nội bà chết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần QT có bà Trần MNg là đại diện trình bày: Thống nhất với ý kiến của bà Trần MNg.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B trình bày: Cha mẹ bà là ông Ư và bà H. Cha mẹ bà có tất cả các người con như nguyên đơn đã trình bày. Cha mẹ bà có 01 căn nhà 87/137 chung sống và nuôi dưỡng các con. Khi các anh em bà lớn lên có gia đình riêng, ba má bà mua thêm căn nhà 87/91 để cho gia đình Trần VC ở và làm từ đường. Căn nhà này cạnh lạch, mương. Má bà

và ông VU hàng ngày đi nhặt xác mía ở các chợ và lấp dần dần rồi thuê người đổ đất, xà bần để lấp vũng lầy đó. Sau đó cất chái nhà nhỏ cho cha bà dưỡng bệnh. Đến năm giải phóng Trần VC dỡ đem đi dựng nhà kinh tế mới ở Đồng Nai. Sau đó ông Trì cất lại nhà tôn trên phần đất đó. Năm 1980, má bà bị lao phổi nặng, má bà để lại căn nhà 87/137 cho ông Trì lấy tiền thang thuốc và ra ở chái nhà tôn nhỏ, căn nhà lớn má bà vẫn cho thuê để lấy tiền phụ cấp gia đình Trần VC ở kinh tế mới. Lúc má bà đau yếu má bà nói căn nhà lớn giữ cho anh VC, cái chái nhà tôn nhỏ nay là của phần thằng VU.

Bà không có ý kiến, đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của tờ di chúc. Bà đồng ý yêu cầu Trần VC trả lại phần diện tích 3,3m x 2,6m mà Trần VC đang chiếm dụng. Nếu Tòa án xét xử cho bà được hưởng phần đất đó bà xin cho phần đất này cho ông VU.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Tr trình bày: Cha ông là ông Ư đã chết năm 1969, mẹ là bà H chết năm 1988. Cha mẹ ông lúc sinh thời có mua miếng đất trên vào khoảng năm 1950 đến năm 1960 để gia đình ông ở. Năm 1975 sau giải phóng anh ông là Trần VC dỡ bớt cái nhà sát bên lên kinh tế mới ở xã Xuân Hưng, Đồng Nai. Đến năm 1978 ông có mua vật liệu ra cất lại căn nhà để gia đình ông ở và chung quanh còn đất nuôi gà. Mẹ ông lúc còn sống có nói để lại căn nhà ông cất cho VU ở vào năm 1980. Lúc đó mẹ ông nói Trần VC làm tờ di chúc cho em là VU vào năm 1982, đến năm 1988 mẹ ông chết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Ph trình bày: Tờ di chúc ngày 18/4/1982 là do chính cha ông là Trần VC viết ra. Theo cha ông kể thì tờ di chúc này được lập sau khi bà nội ông mất, ở mặt sau tờ di chúc có ghi tên ông là Trần Văn Ph nhưng đó không phải là chữ ký của ông. Ông không tham dự cuộc họp mặt ngày 14/4/1994 như mặt sau của tờ giấy vì lúc đó ông nhớ ông không đồng ý việc cha ông cho ông VU vào ở nhờ, vì vậy ông không tham dự và ký tên vào tờ giấy đó. Ông đồng ý với ý kiến của ông VP là đại diện của Trần VC trình bày.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Cao Đ trình bày: Ông đồng ý với ý kiến trình bày của ông VP là đại diện Trần VC.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1664/2017/DS-ST ngày 21/12/2017 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 30, 85, 200, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 170, Điều 256 Bộ luật Dân sự 2005,

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần VU về việc buộc ông Trần VC phải trả căn nhà số 87/57/42 ĐTH, Phường 3, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 3,3m x 2,6m.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, các chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/01/2018, bà Lâm TH là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Bà TH yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Lâm TH là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Người đại diện hợp pháp của bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, các Luật sư và đương sự trình bày như sau:

Bà Lâm TH và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Căn nhà đang tranh chấp có nguồn gốc của ông Ư, bà H, điều này được bà Bé và bà Ao thừa nhận và phù hợp với việc Trần VC là người tự tay viết bản di chúc năm 1982, công bố năm 1994. Tại tờ di chúc năm 1982 thể hiện, bà H để lại căn nhà này cho ông VU. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp không thể sửa bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm, để chia tài sản chung của ông Ư, bà H là toàn bộ căn nhà 87/91 (nay là các căn nhà 87/57/42, 87/57/40, 87/57/44 và 87/57/44A; trong đó 87/57/44A thì gia đình Trần VC đã bán cho người khác).

Bị đơn và Luật sư: Quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Kiện đòi nhà". Như vậy, nguyên đơn phải chứng minh căn nhà đang tranh chấp thuộc sở hữu của nguyên đơn. Trong khi tất cả các chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra, như di chúc, biên bản họp gia tộc, quyết định thay đổi số nhà, biên bản làm việc tại UBND Phường 3, tờ kê khai nhà năm 1999 của ông VU, lời khai của các đồng thừa kế…không phải là căn cứ để nguyên đơn xác lập quyền sở hữu căn nhà. Đề nghị cấp phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Riêng yêu cầu chia tài sản chung mà nguyên đơn nêu ra tại cấp phúc thẩm là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Đề nghị dành cho nguyên đơn quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị và trình bày như sau:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Lâm TH làm trong thời hạn, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

Về nội dung: Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra không chứng minh được căn nhà đang tranh chấp thuộc sở hữu của nguyên đơn. Do đó, bản án sơ thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn không xuất trìunh được chứng cứ nào mới. Đề nghị cấp phúc

thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Lâm TH làm trong thời hạn, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, nguyên đơn nêu ra các chứng cứ sau đây để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ: Tờ di chúc của bà Trần Thị H lập năm 1982, Thông báo đổi số nhà, Biên bản họp họ hàng, Tờ kê khai nhà đất năm 1999. Xét các chứng cứ trên, nhận thấy:

[2.1] Tờ di chúc của bà Trần Thị H lập ngày 18/4/1982 là do ông Trần VC viết, không được bà H ký tên, điểm chỉ, không có xác nhận của cơ quan thẩm quyền; các con, cháu của ông Trần Văn Ư và bà H ký tên gồm các ông bà Trần VC, Trần Văn Tr, Trần Văn Ph, Trần VC và Trần VĐ (riêng bà Trần Thị B không ký tên). Nội dung ghi bà H cho ông VU "căn nhà lợp tôn thiếc, phường 3 số 87/91" nhưng không ghi rõ diện tích căn nhà bao nhiêu, tứ cận thế nào; trong khi tại cả hai phiên toà, lời khai của các đương sự không thống nhất nhau về quá trình tạo lập, diện tích, quá trình sử dụng…Mặt khác, tờ di chúc này được lập ngày 14/4/1994, nhưng ghi lùi lại vào năm 1982. Như vậy, tờ di chúc này không có giá trị pháp lý về hình thức lẫn nội dung.

[2.2] Về Biên bản họp họ hàng lập ngày 14/8/2008: Biên bản này được lập tại tỉnh Hà Nam, có nội dung chủ yếu là, họ nội, ngoại của ông VU nhất trí đề nghị chính quyền nơi sinh quán (tức xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam) xác nhận nội dung cuộc họp, để ông VU bổ sung hồ sơ kiện Trần VC, đòi căn nhà 87/57/42 ĐTH, có diện tích 3,3m x 2,6m, không có nội dung nào xác định căn nhà này được bà H di chúc cho ông VU. Những người tham gia cuộc họp này không phải là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Ư, bà H nên không có quyền định đoạt căn nhà này. Do đó, biên bản này không có giá trị pháp lý.

[2.3] Về Tờ khai nhà đất năm 1999: Cùng một căn nhà, ông Trần Văn H (con Trần VC) đã kê khai năm 1977 và vào năm 1999, cả ông VU và ông Trần VP (con Trần VC) đều kê khai. Do đó, tờ kê khai này không phải là căn cứ để xác định căn nhà đang tranh chấp thuộc sở hữu của nguyên đơn.

[2.4] Về Thông báo thay đổi số nhà: Thông báo này ghi rõ mục đích là để tiện cho việc giao dịch và quản lý Nhà nước về hộ khẩu, không có giá trị chứng minh quyền sở hữu đối với căn nhà.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Toà án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không xuất trình được tài liệu chứng cứ mới nên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[3] Các nhận định trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử không chấp nhận các luận cứ của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Nguyên đơn có quyền khởi kiện một vụ án dân sự khác để tranh chấp chia tài sản chung của ông Ư, bà H, đối với các tài sản khác, nếu hội đủ các yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lâm TH là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà TH số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 48737 ngày 25/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Bởi những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lâm TH. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1664/2017/DS-ST ngày 21/12/2017 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 30, 85, 200, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 170, Điều 256 Bộ luật Dân sự 2005,

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần VU về việc buộc ông Trần VC phải trả căn nhà số 87/57/42 ĐTH, Phường 3, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 3,3m x 2,6m.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lâm TH là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà TH số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 48737 ngày 25/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.